

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 571/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu:

1/ Ông Võ Thành T, sinh năm 1992

2/ Bà Nguyễn Thùy D, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Số K, đường Chuyên D, tổ N, khu phố 3, phường P.M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D qua thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký

kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, Quyền số I/2013 đăng ký ngày 23/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L.P, huyện T.T, tỉnh An Giang).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, kinh tế gia đình khó khăn, hai người đều thiếu trách nhiệm với gia đình. Hiện nay, ông T và bà D cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông T và bà D cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D có 01 (Một) con là trẻ Võ Nguyễn Ánh N (Nữ), sinh ngày 30/6/2017. Các đương sự thống nhất thỏa thuận bà Nguyễn Thùy D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/trẻ. Cấp dưỡng vào ngày mùng 05 (Dương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/10/2019. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu thi hành án.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông T và bà D chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D qua thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, Quyền số I/2013 đăng ký ngày 23/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L.P, huyện T.T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D có 01 (Một) con là trẻ Võ Nguyễn Ánh N (Nữ), sinh ngày 30/6/2017.

Công nhận sự thỏa thuận: Giao trẻ Võ Nguyễn Ánh N (Nữ) sinh ngày 30/6/2017 cho bà Nguyễn Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Võ Thành T sẽ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/trẻ/tháng vào ngày 05 (Dương lịch) hàng tháng, bắt

đầu thực hiện từ tháng ngày 05/10/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu thi hành án.

Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Tiến phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Võ Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thùy D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D xác nhận không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031482 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thùy D đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đức).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy